

Phong cách thơ Ý Nhi: Luận văn ThS. Văn học: 60 22 34 Nguyễn Thị Tuyên ; Nghd. : GS.TS. Lê Văn Lâm

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Thơ ca chống Mỹ phát triển mạnh mẽ và có nhiều thành tựu với sự góp mặt của nhiều thế hệ nhà thơ. Có những nhà thơ thành danh từ trước cách mạng tháng Tám năm 1945 và có những nhà thơ trẻ mang trong mình lý tưởng sống và lý tưởng thẩm mỹ được bồi dưỡng từ mái trường xã hội chủ nghĩa, đem đến cho thơ giọng điệu lạ. Đặc biệt, số lượng nhà thơ nữ cũng nhiều hơn. Trong số những gương mặt thơ nữ nổi trội, ngay từ những sáng tác đầu tiên, Ý Nhi đã cho thấy một bản lĩnh thơ luôn hướng tới những chân trời mới của thi ca đương đại. Thơ của bà những năm 80 của thế kỷ trước đã có những chuyển động cách tân lặng lẽ trong thi pháp nhưng cũng khá quyết liệt để làm nên một giọng điệu mới, trở thành cây bút xuất sắc của nền thơ Việt Nam đương đại.

1.2. Ý Nhi làm thơ từ rất sớm và là một trong bộ tứ nhà thơ nữ được nhiều độc giả yêu mến. Trong khi các nhà thơ trẻ bấy giờ thử sức với khá nhiều địa hạt khác của văn chương thì Ý Nhi có vẻ trung thành với thơ hơn cả. Có thể hình dung về thơ Ý Nhi như “một hành trình truy vấn tinh thần mà trong đó cái tôi nhà thơ, lặng lẽ nhưng quyết liệt và bền bỉ, không ngừng tự ý thức nhằm tìm kiếm cái “bản lai diện mục” trong tâm hồn với chất thơ “duy lý” độc đáo.

1.3. Thơ Ý Nhi không phải là kiểu thơ có thể đọc một lần nhưng lại có giá trị thanh lọc sâu sắc bởi với Ý Nhi, thơ là sự giải tỏa tâm trạng và là lời “thơ là lời nguyện cho nỗi yên hàn”.

1.4. Với hướng đi riêng là sớm và dứt khoát vứt bỏ lối “làm thơ” ngôn ngọt, dễ dãi của một thời, Ý Nhi đã tìm tòi bút pháp mới và thể hiện thành công lối thơ tự do, giàu tính triết lý, hình tượng, trở thành một

trong số không nhiều những nhà thơ nữ có vị trí khá ổn định trên thi đàn và có tầm ảnh hưởng lớn đến lớp những nhà thơ trẻ hiện nay.

Từ những lý do đó, chúng tôi chọn đề tài *Phong cách thơ Ý Nhi* với mong muốn đóng góp thêm ý kiến của mình trong cái nhìn tổng thể và toàn diện hơn về thơ Ý Nhi.

2. Lịch sử vấn đề

Là một trong những cây bút nữ nổi bật trưởng thành trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, các bài viết nghiên cứu chủ yếu tập trung từ năm 1985, sau khi tập *Người đàn bà ngồi đan* được xuất bản. Tuy nhiên, đa số các bài đánh giá đều còn ở dạng riêng lẻ, báo và tạp chí, khẳng định giọng điệu và bút pháp thơ mới lạ của Ý Nhi: giản dị mà đậm chất suy nghĩ, chất trí tuệ, giọng điệu thơ trầm lắng, suy tư. Ngoài ra cũng có một đề tài nghiên cứu khoa học đề cập đến các nhà thơ nữ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ trong đó có nhà thơ Ý Nhi. Các bài viết đều đi tới khẳng định một cây bút có nhiều đóng góp mới mẻ cho nền thơ ca đương đại với bút pháp, giọng điệu riêng.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Khảo sát trong tuyển tập *Thơ*, NXB Văn học năm 2000. Ngoài ra, chúng tôi còn khảo sát thêm thơ của một số nhà thơ nữ cùng thời

4. Phương pháp nghiên cứu

Ngoài các thao tác nghiên cứu như phân tích - tổng hợp, so sánh, đối chiếu lịch sử, thống kê..., luận văn sử dụng 2 phương pháp chủ yếu: Thi pháp học; Phong cách học.

5. Cấu trúc của luận văn: Luận văn gồm 3 chương chính:

Chương 1: Phong cách, phong cách thơ và quá trình hình thành phong cách thơ Ý Nhi

Chương 2: Phong cách thơ Ý Nhi nhìn từ phương diện nội dung

Chương 3: Phong cách thơ Ý Nhi nhìn từ phương diện hình thức thể hiện

NỘI DUNG

Chương 1: PHONG CÁCH, PHONG CÁCH THƠ VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHONG CÁCH THƠ Ý NHỊ

1.1. Khái niệm phong cách và phong cách thơ

1.1.1. Phong cách

Thuật ngữ “phong cách” đã được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu khoa học và cũng rất quen thuộc trong đời sống hằng ngày. Với lĩnh vực văn chương, nghệ thuật thì thuật ngữ này đã trở nên phổ biến và là một khái niệm trung tâm, thu hút sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu từ cổ đại đến hiện đại.

Từ thời cổ đại, các nhà hiền triết phương Tây cũng như nhà lý luận văn học nổi tiếng phương Đông đã đề cập đến.

Bước sang thế kỷ 18 và 19 thì cuộc bàn luận về phong cách trở nên sôi nổi hơn với sự góp mặt của các đại biểu như nhà văn Stendhal, Balzac, các nhà lý luận văn học như Saint – Beuve, các triết gia như Herbert, Spencer, các nhà ngôn ngữ học như Steithal...MB. Khrapchenco cho rằng có đến gần hai mươi cách hiểu khác nhau về phong cách.

Các nhà nghiên cứu và lý luận phê bình văn học Việt Nam với không ít công trình viết về phong cách cũng đã đưa ra một số quan niệm về thuật ngữ này tiêu biểu như quan niệm Trần Đình Sử, Nguyễn Thái Hòa, Nguyễn Đăng Mạnh Phan Ngọc, Phan Cự Đệ, Tôn Phương Lan, Hà Văn Đức...

Và khi tổng kết lại, các nhà nghiên cứu Việt Nam đã thống nhất và đưa ra những kiến giải có ý nghĩa khoa học tích cực: “Phong cách là một phạm trù thẩm mỹ, chỉ sự thống nhất tương đối ổn định của hệ thống hình tượng, của các phương tiện nghệ thuật, nói lên cái nhìn độc đáo trong sáng tác của một nhà văn, trong tác phẩm riêng lẻ, trong trào lưu văn học...; các dấu hiệu của phong cách dường như nổi lên trên bề mặt tác phẩm, như là một thể thống nhất hữu hình và hiển thị và có thể tri giác được tất cả mọi yếu tố cơ bản của hình thức nghệ thuật.

Lại Nguyên Ân trong cuốn *150 thuật ngữ văn học* cũng đi đến kết luận: “Trong nghĩa rộng, phong cách là nguyên tắc xuyên suốt cấu trúc tác phẩm, khiến cho tác phẩm có tính chỉnh thể, có giọng điệu và màu sắc thống nhất rõ rệt”.

Như vậy, phong cách không phải là những đặc điểm lẻ tẻ, biểu hiện một cách rời rạc mà nó có tính thống nhất, bền vững bao gồm cả yếu tố nội dung và nghệ thuật. Chúng ta cần xem phong cách là phẩm chất sáng tạo cao nhất của người nghệ sĩ trong quá trình đồng hóa hiện thực bằng thẩm mỹ.

1.1.2. Phong cách thơ

Nói đến phong cách thơ nghĩa là chúng ta đang bàn tới những biểu hiện của tài năng thi ca đích thực bởi thơ cần đến năng khiếu thẩm mỹ, tài nghệ và cần đến cá tính, phong cách. Cái đặc biệt của phong cách thơ “còn là sự thể hiện của cái tôi trữ tình trong thơ”. Và với đặc trưng riêng biệt “thơ là sự thể hiện thế giới nội tâm bên trong của nhà thơ” nên nó không thể có sự giống nhau đến “sáo mòn” được.

Phong cách thơ ở Việt Nam thực sự nở rộ vào thời kỳ 1932 – 1945 trong phong trào thơ Mới. Đó cũng là lúc mà cái “Tôi” cá nhân phát triển đến cực điểm. Sau này, chúng ta còn thấy sự xuất hiện của nhiều cây bút nữa mà mỗi giọng điệu đóng góp một âm hưởng riêng trong dàn hợp xướng chung của thời đại. Mỗi phong cách thơ tuy đều thể hiện một cái nhìn mới mẻ theo quan điểm thẩm mỹ của riêng mình nhưng đều phản ánh phong cách của thời đại.

Tuy nhiên, để có thể nghiên cứu phong cách ở bất kỳ cấp độ nào, là phong cách một tác giả, một thể loại, một trào lưu hay một trường phái, một thời đại, thậm chí cả một nền văn học thì đều cần đưa ra các tiêu chí riêng để khảo sát, đánh giá. Đối với việc nghiên cứu phong cách một nhà thơ thì đây là thao tác cần thiết giúp chúng tôi tiếp cận vấn đề dễ dàng hơn và có những bước nghiên cứu mang tính định hướng cụ thể để đi tới những nhận xét, đánh giá sát thực nhất. Xuất phát từ hai phương

diện nội dung và hình thức, khi đi nghiên cứu về phong cách thơ của một tác giả, theo chúng tôi cần chú ý đến hệ thống chủ đề, cảm hứng sáng tác, hệ thống những motif những hình ảnh, biểu tượng đặc trưng gắn liền với cái tôi trữ tình của nhà thơ. Và chắc chắn là không thể thiếu việc khảo sát ngôn ngữ, giọng điệu đặt trong những thể thơ tiêu biểu.

1.2. Quá trình hình thành phong cách thơ Ý Nhi

1.2.1. Đôi nét về tác giả

Ý Nhi đã tự bạch về mình qua *Tiểu dẫn*, một con người giản dị, thẳng thắn và bộc trực. Ý Nhi không thích xuất hiện trước công chúng, cũng ít nói về mình ngay cả khi đã có vị trí nhất định trên thi đàn. Thuộc motif người lặng lẽ, Ý Nhi đi lên qua từng bài thơ, trưởng thành qua từng tập thơ và cũng nổi tiếng một cách ...lặng lẽ. Thơ Ý Nhi cũng như con người bà, điềm đạm và giản dị. Và cứ từ từ như thế, thơ Ý Nhi lặng lẽ chinh phục người yêu thơ cả ba miền đất nước.

Hoàn cảnh xuất thân và công việc có ảnh hưởng không nhỏ đến những sáng tác thơ ca của Ý Nhi. Sự nghiệp văn học chính của Ý Nhi là thơ với gần 30 năm cầm bút, mãi đến năm 2000, với tuyển tập cuối cùng có tựa đề rất cô đọng *Thơ*, nhà thơ mới nói lời tạm biệt với thơ để thử bút ở một lĩnh vực mới. Chính vì vậy, khi nói về quan niệm nghệ thuật của Ý Nhi thực chất là nói về quan niệm về thơ. Trước tiên với Ý Nhi, thơ là một cứu cánh. Bà nhận ra rằng thơ là một ký thác, một bộc bạch, trước hết với chính mình, và hơn thế như một chọn lựa, một thái độ với người trong cuộc. Ý Nhi từng chia sẻ: “tôi chỉ viết khi nào nội tâm có nhu cầu chứ không bắt mình phải làm thơ vì bất cứ lý do nào, kể cả hai tiếng nhà thơ”. Và làm thơ với Ý Nhi là để giải tỏa tâm trạng. Mỗi lần ướm bút gieo chữ xuống trang thơ là một lần gửi vào đó nguyện ước, những mong cầu được yên hàn”. Chính vì vậy, ngay cả khi phải chấp nhận đau khổ, sự cô đơn thì Ý Nhi vẫn đầy bản lĩnh và kiên định trong hành trình sáng tạo nghệ thuật của mình.

1.2.2. Hành trình sáng tạo nghệ thuật thơ Ý Nhi

Sinh ra trong kháng chiến chống Pháp và trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ nhưng Ý Nhi lại thực sự khẳng định bút lực của mình trong thời kỳ hậu chiến và thời kỳ Đổi mới. Chân dung thơ của Ý Nhi lúc đầu là chân dung của cô thiếu nữ mộng mơ, còn lẫn lộn trong một kiểu trang điểm và y phục chung của những chân dung khác. Chính nhà thơ khi đọc lại phần thơ của mình cũng chợt nhận ra “cái gì đó còn bất chợt, còn mỏng, còn thiếu đầu tư chuẩn bị và lần đầu tiên, cô cảm thấy cần phải cầm bút với tất cả sự suy tư nghiêm túc”. Cuộc gặp gỡ với Việt Phương sau đó càng củng cố thêm những suy nghĩ về thơ của Ý Nhi. Bà nhận ra rằng thơ đúng là một ký thác, một bọc bạch trước hết với chính mình, và hơn thế, như một lựa chọn, một thái độ của người trong cuộc. Thơ Ý Nhi từ đó bước sang một giai đoạn mới thể hiện rõ một ngòi bút trưởng thành và một hồn thơ giàu sức sống, một tiếng nói rất riêng chinh phục người đọc bằng những vần thơ vừa nữ tính lại vừa trí tuệ, được đánh dấu bằng sự ra đời của tập thơ *Người đàn bà ngòi đàn* năm 1985.

Văn học giai đoạn sau chiến tranh chững lại và không ít tác giả mất phương hướng trong sáng tác. Tuy nhiên, Ý Nhi vẫn tìm được hướng đi riêng của mình. Không chỉ là nhà thơ nhạy cảm trước cuộc sống, Ý Nhi còn luôn là một nhà văn có ý thức trách nhiệm cao với ngòi bút. Ý Nhi nhìn đời thực hơn, tỉnh táo và duy lý hơn với hàng trăm những dấu hỏi. Mỗi bài thơ thay cho hình thức tự vấn, tự phản tỉnh về những giá trị trong cuộc sống mà có lẽ tự mình đặt ra rồi tự mình trả lời.

Nếu đi theo tiến trình thơ ca dân tộc thì có thể chia chặng đường sáng tác của Ý Nhi theo thời gian là trước và sau 1975 nhưng có lẽ, với Ý Nhi thì điểm mốc năm 1985 lại có ý nghĩa đặc biệt hơn với tập thơ *Người đàn bà ngòi đàn*. Sự xuất hiện của *Người đàn bà ngòi đàn* thực sự đã đem đến một Ý Nhi với diện mạo mới với những táo bạo trong tư duy và những tìm tòi sáng tạo. Nhiều bài gây ấn tượng, cách khai thác tứ thơ, sử dụng chất liệu uyển chuyển, phạm vi phản ánh được mở rộng với sự

thay đổi linh hoạt của thể thơ và nhịp thơ. Chu Văn Sơn thì cho rằng thành công của *Người đàn bà ngồi đan* là thành công ở một phương diện hết sức quan trọng là đã sáng tạo và biểu hiện một cái tôi rõ nét, cái tôi đậm sắc thái riêng với dòng tâm trạng “không xác thực”. Đặc biệt, tập thơ còn đánh dấu sự thành công của Ý Nhi về phương diện nghệ thuật với sự gia tăng “chất nghĩ” thể hiện qua lớp ngôn ngữ phân tích lý luận giàu tư tưởng triết học và trong lớp hình ảnh được biểu tượng.

Năm 1987, tập *Ngày thường* ra mắt độc giả đã tập trung khắc họa biết bao con người, bao số phận chỉ chung một diện mạo tinh thần như “sự cố gắng hình dung ra gương mặt tinh thần” của các cá nhân trong cộng đồng. Và trong *Ngày thường*, người đọc đã biết đến một Ý Nhi - bức chân dung tự họa của cái Tôi nhà thơ với một *Tiểu dẫn* mà Ý Nhi tự bộc bạch về mình. Tập thơ như một phòng tranh nhỏ với những bức chân dung ký họa mà Ý Nhi như người họa sĩ khéo tay đã phổ tâm trạng mình vào nội tâm của những gương mặt đó. Dòng tâm trạng “xao xác giữa ngày yên”, cái “không xác thực” từ *Người đàn bà ngồi đan* có lẽ đã định hình ở *Ngày thường* với nỗi đau tinh thần chân chính của người nghệ sĩ đa cảm này. Những bức chân dung khái quát ấy hòa làm một trong bức chân dung tự họa với bút pháp tạo hình và giọng điệu triết luận tâm tình róng riết, đanh chắc, rắn sắc như văn xuôi chính luận. Bên cạnh đó, người đọc vẫn gặp đâu đó lối “biểu tượng hóa” nhưng đã có một sự khác biệt rõ nét đó là cách mà Ý Nhi chọn ở *Ngày thường* “khô hơn” do nhà thơ phổ cái tôi của mình vào nhân vật chứ không phải là phổ vào cảnh vật nữa. Tập thơ được đánh là “Tâm rất nồng mà lời khá đạm”. Chính sự xuất hiện của hàng loạt những bức chân dung với tâm trạng đầy khắc khoải và ám ảnh đã làm nên đặc điểm này của tập thơ.

Nếu như ở *Ngày thường*, thơ Ý Nhi chưa đạt tới cái sâu, cái kín ở mức độ tương xứng thì tới *Mưa Tuyết* và *Gương mặt*, người đọc cảm nhận rõ nét hơn đặc điểm này với độ trầm tĩnh cùng sự thể hiện của cái “chân ngã”. Những “gương mặt” giờ đây đã đạt tới mức gọi là “đắc

đạo”, thoang thoảng khí vị Thiên. Hai tập thơ được viết vào thời điểm chặng đường thơ của Ý Nhi cũng đã ngót 20 năm và khẳng định thêm cho chất thơ gần như đã được định hình khá đậm nét - chất thơ của sự trầm tĩnh. Ở hai tập thơ này, Ý Nhi cũng đã thể hiện khá rõ những quan niệm của mình về thơ nói riêng và về nghệ thuật nói chung qua những suy ngẫm về những tác phẩm, về cuộc đời và nhân cách người nghệ sĩ. Đắc đạo, đó là khi người nghệ sĩ trở thành chính mình và vượt qua những cái “đời thường”.

Thơ Ý Nhi ngày càng có đặc điểm nghiêng về cái “phi thơ” và bắt đầu đem lại cho người đọc một cảm giác trơ trụi bởi chính sự “giản dị” đã hòa làm một trong thứ ngôn ngữ đã định hình- ngôn ngữ triết luận duy lý với giọng điệu trầm tĩnh. Bước sang tập *Vườn*, tạng thơ Ý Nhi ngày càng thể hiện rõ đó là sự tĩnh lặng, rất ít chữ và càng ít hơn những từ bóng bẩy. Tập *Vườn* là sự khắc họa toàn vẹn hơn chân dung “ người đàn bà tìm về kết cục” với mong ước “thơ mãi là lời nguyện cho nỗi yên hàn”. Có thể nói, ở chặng đường này “phong cách thơ Ý Nhi đã dần đi vào ổn định. Đọc thơ Ý Nhi, ta luôn bắt gặp những tâm trạng rất thật của người phụ nữ sống và viết với những đam mê hết lòng”. *Vườn* chính là sự hoàn thiện và khẳng định phong cách của Ý Nhi.

Ba mươi năm, tám tập thơ đã in, chọn lại trên 130 bài và trình làng cuốn tuyển tập với tựa đề ngắn gọn *Thơ*, Ý Nhi đã trình diện công chúng bức chân dung dường như đã định hình đến mức chỉ có một biến cố ghê gớm lắm mới có thể làm biến đổi trong tương lai. *Thơ*, cũng là tuyển tập cuối cùng Ý Nhi muốn thay cho lời nói lời tạm biệt với thơ để chuyển sang một địa hạt mới.

Chương 2: PHONG CÁCH THƠ Ý NHI NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN NỘI DUNG

2.1. Cảm hứng về đất nước

Quê hương đất nước là đề tài muôn thuở trong thi ca. Cảm hứng về quê hương đất nước trong thơ Ý Nhi thể hiện một cái nhìn mang dấu ấn

riêng của thi sĩ khi viết về cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước, viết về những miền quê nơi nhà thơ đã qua.

2.1.1. Cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1955-1975) là cuộc chiến tranh vệ quốc ác liệt mang tính chất toàn dân. Tính chất này cũng ảnh hưởng và chi phối quan trọng đến đặc trưng văn học giai đoạn này. Là một trong số những nhà thơ nữ tiêu biểu thuộc lớp nhà thơ trưởng thành từ những năm ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, được chứng kiến những cảnh chết chóc, đau thương và sự đổ vỡ do chiến tranh gây ra nhưng xuất phát từ góc độ công việc và quan niệm khai thác hiện thực, Ý Nhi không trực tiếp nói nhiều đến tính khốc liệt của cuộc chiến tranh, không miêu tả trực tiếp những trận đánh. Thơ Ý Nhi dù vắng tiếng bom đạn, những thảm cảnh máu chảy đầu rơi do chiến tranh gây ra, những hiện thực được nói đến trong thơ mà cụ thể và nhiều nhất là sự đổ vỡ cũng đủ sức ám ảnh người đọc. Chiến tranh vốn là điều bất thường của cuộc sống. Sự bất thường hiện hữu trong từng cảnh vật. Chiến tranh đã cướp đi những cái rất đời thường, cướp đi sự bình yên nơi tổ ấm.. Từ bóng cây đến trái quả đều hằn lên những nỗi thương đau. Thơ Ý Nhi nhẹ nhàng hơn khi miêu tả hiện thực này nhưng lại không kém phần chua xót bởi điều mà nhà thơ nhắc tới là quyền con người. Lên án chiến tranh thứ đã cướp đi những niềm vui giản dị nhất của trẻ thơ.

Viết về cái đời thường giữa chiến tranh ác liệt, đó cũng là cách mà Ý Nhi phản ánh hiện thực đầy thương tâm nhưng hết sức nhẹ nhàng. Với cái nhìn tinh tế, nhà thơ hòa vào dòng tâm sự của những người lính, với ước mơ về một cuộc sống thường nhật bình yên cũng trở nên vô cùng lớn lao.

Và trong những nỗi nhớ của miền ký ức, Ý Nhi luôn ám ảnh về những con đường bom đạn, nơi gắn liền với hình ảnh đồng đội là những cô gái thanh niên xung phong, những cô em “nón trắng” tỏa sáng giữa rừng già, “áo xanh áo đỏ” nhấp nhô giữa hầm sâu. Con đường khói lửa cũng

là minh chứng cho cuộc chiến tranh khốc liệt mà dân tộc đã trải qua, gắn liền với những nước mắt, tủi hờn, với xương máu và sự hi sinh của biết bao người con anh hùng ra đi vì nghĩa lớn.

Thơ chiến tranh của Ý Nhi có nét giống với các nhà thơ nữ cùng thời đó là khả năng tìm kiếm những chi tiết nhỏ của cuộc sống và thể hiện một cách tinh tế những mảnh nhỏ của cảm xúc. Họ viết về chiến tranh bằng ký ức và xoa dịu sự khốc liệt của chiến tranh cùng nỗi đau bằng thiên tính nữ ấm áp cùng biểu tượng yêu thương. Do vậy mà bức tranh về chiến tranh mà Ý Nhi thể hiện có cảm giác thiếu nét vẽ hoặc nét vẽ chưa đậm nên sự tàn khốc chưa được chú ý, hay nói cách khác là có phần nhẹ nhàng hơn.

2.1.2. Những miền quê còn trong ký ức

Ý Nhi sống ở nhiều nơi và từng có nhiều chuyến đi xa. Trong nguồn cảm hứng về đất nước, Ý Nhi đã đưa người đọc đến với nhiều miền quê hương. Mỗi mảnh đất, mỗi làng quê nơi nhà thơ đi qua, ba miền Bắc – Trung - Nam mỗi mảnh đất đều được ghi dấu lại trong ký ức nhà thơ bằng tình cảm nồng ấm, chân thành. Mỗi làng quê đều gắn với những kỷ niệm một thời khó phai, thương đau mà anh hùng, thiếu thôn mà đậm ấm. Ý Nhi soi mình vào ký ức xa xôi để cảm nhận rõ nét hơn sự đổi thay cũng như vẻ đẹp của Tổ quốc đang hồi sinh.

Mảng đề tài này chủ yếu tập trung ở ba tập thơ đầu *Nỗi nhớ con đường, Đến với dòng sông và Người đàn bà ngồi đan*. Có thể thấy, thơ Ý Nhi giai đoạn đầu nghiêng nhiều về cảm hứng quê hương đất nước, gắn liền với những dòng tâm tư dạt dào khi viết về hiện thực của cuộc chiến. Qua đó, có thể thấy Ý Nhi nặng lòng với quá khứ với một trái tim không nguội thốn thức bởi tình cảm đặc biệt bà cho Tổ quốc mến thương.

2.2. Cảm hứng đời tư

Trở về với cảm hứng đời tư, những câu chuyện đời thường giản dị là tinh thần và hướng phát triển tất yếu của thơ ca sau chiến tranh. Với

chặng đường chủ yếu tỏa sáng và được đánh giá là sung sức hơn cả trong thời kỳ hậu chiến, thơ Ý Nhi mang đậm cảm hứng đời tư với nhiều tâm sự viết về người thân, bạn bè, về tình yêu và về những trần trở thời cuộc.

2.2.1. Tình cảm với người thân, bạn bè

Ý Nhi từng nói bà chỉ làm thơ khi nội tâm có nhu cầu. Vì vậy mà bài thơ nào cũng là nguồn mạch của cảm xúc rất chân thành.

- Ý Nhi viết về mẹ với những câu thơ đầy xúc động. Bà hiểu cuộc đời mẹ là một chuỗi dài của những hi sinh, thầm lặng và lo toan.

- Nhi cũng viết về con bằng một tình cảm đặc biệt. Hạnh phúc, đó là điều không dễ nắm bắt. Vì vậy mà điều Ý Nhi muốn dành cho con không chỉ là niềm hạnh phúc mà quan trọng hơn, bà mong con biết đón nhận khi hạnh phúc đến và vững vàng trước sóng gió cuộc đời.

- Và đặc biệt, với đồng nghiệp, bạn bè Ý Nhi luôn dành cho họ những tình cảm thân thiện đặc biệt. Đó là khi viết về Khánh, về Lệ, về Xuân Quỳnh, hay về những người cùng làm nghệ thuật, những người nghệ sĩ chân chính và đam mê nghệ thuật: Nguyễn Sáng, Dương Bích Liên, Bùi Xuân Phái, nhà văn Nguyên Hồng...

Có lẽ, hiếm có nhà thơ nào lại viết nhiều chân dung nghệ sĩ như Ý Nhi. Họ là những đại sứ đích thực đã âm thầm hi sinh vì nghệ thuật. Các nhân vật của Ý Nhi thật đáng kính và dường như ai cũng giản dị, lặng lẽ cống hiến cho cuộc đời. Có lẽ vì vậy mà trước sự ra đi của những nghệ sĩ tài năng, Ý Nhi cảm nhận sự mất mát thật lớn lao. Nhưng Ý Nhi là vậy, đằng sau vẻ bề ngoài ít giao du, luôn tránh xa những ồn ào và thu mình với cuộc sống là một tâm hồn đầy trần trở, ưu tư mà giàu xúc cảm. Ở một góc tâm hồn, chúng ta còn có thể khám phá Ý Nhi, con người luôn khao khát tìm kiếm sự bình yên.

2.2.2. Tình yêu - nỗi khao khát bình yên.

Ở mọi thời đại thì tình yêu vẫn luôn là mảng đề tài quan trọng không thể thiếu trong thơ ca. Nếu kể về thơ tình của Ý Nhi thì số lượng

này không nhiều nhưng tập thơ nào cũng có những bài thơ thật đặc sắc. Tập “Vườn” được gọi là một tập “thơ tình chín muộn” nhưng có nhiều bài thơ đậm thắm về tình yêu.

- Thơ Ý Nhi cũng xuất hiện bóng dáng người tình lý tưởng, với những phẩm chất can trường mà hào hoa cùng vẻ đẹp tinh thần riêng.

- Tình yêu trong thơ Ý Nhi cũng đầy những phức hợp cảm giác, vừa ngóng trông, vừa khắc khoải, vừa lo âu lại vừa hân hoan, vừa ngậm ngùi, vừa hạnh phúc, vừa buồn khổ. Cảm nhận về thơ tình của Ý Nhi, Nguyễn Thị Minh Thái từng có những nhận xét rất sâu sắc rằng: “Ý Nhi có một lối thơ tình kín đáo, dịu dàng và đắm đuối như hoa quỳnh hiếm hoi nở muộn, chỉ nở một lần, thom một lần và dâng hiến một lần vào một thời khoảnh khắc ngắn ngủi giữa đêm”.

Tình yêu ấy mang một sức mạnh thật diệu kỳ. Khi hai cuộc đời gắn bó bên nhau, thì mọi chông gai không còn là rào cản. Sức mạnh của tình yêu sẽ khiến người ta vượt qua mọi thử thách. Và với Ý Nhi, nếu được cùng “anh” đi đến tận cùng của chuyến hành trình cuộc đời, thì đó là niềm hạnh phúc lớn lao trong cuộc đời “em”.

Thơ viết về tình yêu của Ý Nhi được tạo nên bằng tất cả độ chín của bản năng và sự từng trải. Nó khác hẳn với thứ tình yêu mang màu sắc khao khát hoang loạn và tình dục của thế hệ các nhà thơ trẻ hiện nay. Tình yêu trong thơ Ý Nhi cũng không phải là thứ tình cảm ân nghĩa thường gắn với hình ảnh mái ấm gia đình mà là sự trừu tượng hóa, mang sắc thái tinh thần, lí tưởng, là đối tượng để suy ngẫm, và gần như một biểu tượng cho sự bình yên mà con người hướng tới.

Tuy nhiên, khi đã mang màu sắc triết lý và lắng đọng những suy tư thì thơ Ý Nhi sẽ mất đi cái gọi là nồng nàn, tươi mát, sự phong phú của cảm xúc đặc biệt của những trạng thái khi yêu.

2.3. Cảm hứng thế sự và hành trình tìm kiếm ý nghĩa cuộc đời

Ý Nhi có phần giống với Phan Thị Thanh Nhàn, bà thiên về cảm hứng thế sự. Đây cũng là mảng đề tài nổi bật và thành công của thơ Ý

Nhi. Với những cái đời thường được đem vào trong thơ một cách tự nhiên cùng những suy tư, Ý Nhi đã khắc họa một bức tranh đời sống đầy nghịch lý với những trần trở về thời cuộc. Đặc biệt, trong sự khoái với những nỗi lo âu, Ý Nhi khao khát và tìm kiếm bình yên. Cho nên, trong hành trình đến với nghệ thuật, bà đồng thời đi tìm ý nghĩa của cuộc đời và tìm kiếm sự bình yên trong chính tâm hồn mình.

2.3.1. Những suy tư về thời cuộc và trần trở về đạo đức

Trong thơ Ý Nhi, bức tranh cuộc đời hiện lên hết sức phức tạp. Ý Nhi viết nhiều về cuộc sống đời thường và quan tâm đến những vấn đề chính trị xã hội của đất nước. Với những điều tưởng chừng thật giản dị, thậm chí có thể nói là “vật vãnh” như chuyện sinh hoạt, mua bán, trao đổi, những toan tính chi tiêu của một nhà nội trợ giữa thời bão giá. Ý Nhi xót xa trước sự lấn át của cái ồn ào, xáo trộn làm mất dần đi một Hà Nội thanh cao một thời. Và đặc biệt, vấn đề của văn học nghệ thuật đương thời, đời sống và hành trình dần thân của những nhà làm thơ trẻ làm bà trần trở nhiều hơn cả.

Vốn là người luôn nặng lòng quá khứ và ám ảnh bởi những hoài niệm nên đọc thơ Ý Nhi chúng ta sẽ thấy nhà thơ luôn đặt lòng mình giữa sự đối sánh của thực tại và quá khứ. Nói như Mã Giang Lân: “Chỉ hiểu thực tế bằng hai lần cảm nhận: Hiện tại và quá khứ”. Trong nhà thơ luôn tồn tại một sợi dây gắn kết giữa hai chiều thời gian ấy, và có lẽ điều này giúp thi sĩ nhận thấy rõ nét hơn sự vĩnh hằng trong những đổi thay không ngừng của cuộc sống. Và cùng với những đổi thay của thời cuộc, đó chính là sự đổi thay của những giá trị đạo đức. Ý Nhi luôn trần trở về những chuẩn mực của đạo đức xã hội, những điều chi phối cũng như mối quan hệ của con người, phản ánh nhân cách con người và diện mạo thời đại. Bà luôn đề cao sự chân thành, cao thượng, những tâm hồn thanh cao và trong sáng. Ý Nhi thường đặt con người vào những nghịch cảnh, và phản ánh con người trong những mâu thuẫn giằng xé nội tâm,

khi phải đối mặt với cái thanh cao và cái thấp hèn (như khi viết về người làm thơ trẻ).

Bà đặt ra vấn đề giữa thơ và cuộc đời, cũng chính là vấn đề của nghệ thuật trong cuộc sống hôm nay. Những đối nghịch ấy tạo nên những giá trị và bộc lộ quan niệm sáng tác của nhà thơ. Ý Nhi cũng không ưa sự ồn ào, giả trá, không ưa “những người sống bám vào tên tuổi”. Nhà thơ kiếm tìm trong cuộc sống những điều thanh cao, những nhân cách đáng kính và tô đậm mặt tốt đẹp của cuộc sống. Bà hướng đến những nhân cách lớn đã đúc đạo tức là đã đạt đến độ tự nhận biết, đã vượt lên những vương bận đời thường. Để rồi sự trầm tĩnh đã trở thành một thứ minh triết của Tuyết, thành phép ứng xử của mọi nhân cách cao khiết được nhà thơ nhắc tới. Bà dành cho họ những cái nhìn ngưỡng mộ như khi nhìn vẻ đẹp trinh trắng của tuyết “*Nhẹ nhàng/tinh trong/ buốt giá*”. Nói như Chu Văn Sơn: “Đắc đạo dường như là lý tưởng nhân văn”.

Có thể nói rằng sáng tác của Ý Nhi là thể hiện rất rõ con người, những phẩm chất, tính cách cũng như quan niệm về cuộc sống của nhà thơ. Ý Nhi đã viết chân thực về những gì đã và đang xảy ra bằng một thái độ nhìn nhận nghiêm túc cùng một tư tưởng đầy trách nhiệm. Và trong hành trình tìm kiếm ý nghĩa cuộc đời của nhà thơ, bên cạnh những suy tư trăn trở, chúng ta còn thấy một Ý Nhi với tâm hồn luôn khát khao tìm kiếm bình yên.

2.3.2. Nỗi khao khát yên bình trong hành trình đi tìm ý nghĩa cuộc đời.

Nếu như coi người nghệ sĩ lúc nào cũng là một kẻ khát, khát như một chứng bệnh, lại như một nhu cầu thì nỗi dầy vò, đeo đẳng Ý Nhi suốt mấy chục năm qua cũng chỉ là một cơn khát thôi. Mà cơn khát ấy đó là **Nỗi khát yên bình**. Ý Nhi mãi miết tìm kiếm sự yên bình như vô tình lỡ tay đánh rơi nó, để rồi băng khuâng trong cuộc hành trình tìm kiếm sự bình yên đó cùng cảm giác tiếc nuối xen lẫn lo âu, bất an.

Có thể nói là trong thơ Ý Nhi, chúng ta luôn thấy một cái tôi với tâm trạng hết sức phức hợp. Nhưng đó cũng là những biểu hiện của một kiểu phản ánh và nhận thức thực tại. Bao trùm lên trong thơ Ý Nhi là nỗi lo âu, một ám ảnh thường trực mơ hồ. Một cõi lòng không xác thực bủa vây lấy nhà thơ và như xuyên suốt trong thơ Ý Nhi như một motif nổi bật mà trước hết nỗi lo âu xuất phát từ một tâm hồn nặng lòng với cái Đẹp, từ chuẩn mực hạnh phúc với những giá trị tinh thần cao quý trong cuộc sống. Cho nên, cũng rất dễ hiểu khi Ý Nhi tìm đến những gương mặt- những nhân cách “đắc đạo” đáng kính mà cuộc đời họ “*như một vì sao/ chợt tắt giữa bao la*” nhưng lại có ý nghĩa quan trọng với cuộc sống, thậm chí là thức tỉnh lương tri. Nhà thơ hướng đến sự “cân bằng” tuyệt đối bằng hình tượng đứa trẻ thuần khiết, ngây thơ mà đầy mạnh mẽ “*đến biển mà không sợ bị vùi lấp/lên núi mà không sợ bị gãy đổ*”.

Nhưng xét cho cùng, những lo lắng, trăn trở hay sự cân bằng mà nhà thơ nói đến đều là biểu hiện của sự khao khát yên bình mà nhà thơ muốn chạm đến và nắm giữ nó. Bình yên chỉ đến trong chốc lát, cái bồn chồn, không xác thực mới là cái vĩnh hằng. Điều này vô hình chung đã kiến tạo nên những khoảng không gian, thời gian nghệ thuật đối cực trong sáng tác của Ý Nhi. Với không gian chúng ta thấy rõ **Miền bình yên** và **Miền khắc nghiệt**, hai miền đối nghịch trên cuộc hành trình nhà thơ đã đang bước đi trong đó miền bình yên là nơi sinh ra để bao dung và thanh lọc.

Song hành cùng với hai chốn không gian đối lập ấy, ta cũng thấy sự phân lập thời gian rõ nét: **Quá khứ** là thời gian bình yên đã mất, **Hiện tại** là quãng thời gian không bình yên với tâm trạng phức hợp được gọi tên là nỗi lòng không xác thực, và **Tương lai**, điều chưa thể biết nhưng là cõi bình yên tuyệt đối mà nhà thơ luôn hướng về. Có lẽ đó là lý do tại sao người ta thấy trong thơ Ý Nhi, luôn xuất hiện một người đàn bà mãi muốt đi lên phía trước nhưng lại thường ngoái nhìn lại phía sau. Và dù chỉ còn đơn độc một mình trong cuộc hành trình này thì Ý Nhi cũng đã

ngày càng tiến dần đến đích bởi thơ bà càng ngày càng đến được với sự an tĩnh của tâm hồn với biểu tượng tập trung nhất là Vườn – nơi hòa hợp giữa sự tĩnh tại của nội tâm và tình yêu của con người.

Chương 3: PHONG CÁCH THƠ Ý NHI NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN HÌNH THỨC THỂ HIỆN

3.1. Thể thơ

Ý Nhi trong hành trình đến với thơ ca đã sử dụng nhiều thể thơ trong đó có cả thơ 4 chữ, 5 chữ, 6 chữ trong đó thể thơ tự do chiếm ưu thế nhất. Theo khảo sát mà chúng tôi tiến hành thống kê trong tuyển tập gồm 135 bài thì chỉ có 2 bài thơ lục bát, 12 bài thơ thể 5 chữ và 2 bài thơ 6 chữ, còn lại là 119 bài viết theo thể tự do chiếm tỉ lệ 88,1%. Chính vì vậy, việc nghiên cứu thơ tự do có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đem đến nhiều kiến giải trong việc tìm hiểu về phong cách thơ Ý Nhi.

Thơ tự do giúp cho Ý Nhi thể hiện một cách dạt dào những dòng tâm trạng khắc khoải, đầy mâu thuẫn cùng những cái nhìn sâu sắc về hiện thực và cuộc sống. Ý Nhi sử dụng phổ biến thể thơ tự do với sự kết hợp đa dạng của những câu thơ ngắn dài khác nhau, tựa hồ như sự dồn nén, lắng đọng và tan chảy của những cảm xúc. Có lúc, nhà thơ kể trực tiếp về một câu chuyện. Phần lớn, các câu thơ của Ý Nhi bị bẻ ra thành nhiều dòng nối tiếp và thông thường, mỗi dòng thơ ấy tạo thành một nhịp. Cho nên, nhịp thơ của Ý Nhi cũng không tuân theo một quy tắc nào cả. Khi xô đẩy, dồn dập, khi lại dẫn ra như nổi lòng khắc khoải.

Thơ tự do của Ý Nhi có nhiều câu được văn xuôi hóa đến mức tuyệt đối. Thông thường, Ý Nhi chỉ dùng dấu chấm hết câu hiện dấu chấm câu khi kết thúc một khổ thơ. Hoàng Hưng khi nhận xét về thơ Ý Nhi từng cho rằng thơ Ý Nhi là thơ tự do không vần, lắm lúc văn xuôi một cách triệt để. Và có thể nói, cách ngắt nhịp, gieo vần tự nhiên, linh hoạt ấy đã cho phép tác giả dễ dàng thể hiện suy nghĩ của mình mà không bó buộc trong khuôn khổ câu chữ.

Thơ tự do của Ý Nhi còn sử dụng mật độ dày đặc các điệp từ, điệp ngữ, phép lặp cấu trúc câu trong từng khổ, thậm chí lặp cả khổ. Trong mỗi câu thơ lại có những cặp từ đối lập tạo nên những nhịp điệu giằng xé triền miên của dòng nội tâm phức hợp trong nhân vật trữ tình. Thơ Ý Nhi càng về sau càng có độ nén hơn nên những câu thơ ngắn ngày càng chiếm tỉ trọng nhiều hơn.

Tuy nhiên, bên cạnh thể thơ tự do, thì thể thơ 5 chữ với số lượng chỉ đứng sau thơ tự do cũng được Ý Nhi vận dụng khá nhuần nhuyễn và một số bài lục bát với giọng điệu lời ru khiến cho tiếng thơ trầm tĩnh đến mức có lúc tưởng chừng như “trần trụi” ấy có thêm dư vị trữ tình và mềm mại hơn.

3.2. Ngôn ngữ thơ

Tìm hiểu ngôn ngữ thơ Ý Nhi là sự kết hợp giữa đặc điểm ngôn ngữ đời thường giản dị với ngôn ngữ trí tuệ, mang xu hướng khái quát và đậm chất triết luận.

3.2.1. Ngôn ngữ đời thường giản dị

Thơ Ý Nhi vốn giản dị, không bóng bảy và rất ít chữ. Ý Nhi từng quan niệm về một bài thơ hay là: “ về cảm xúc - phẩm chất cao nhất là sự thành thực. Về hình thức thì cần phải đạt đến sự giản dị”. Có thể thấy dù ở mảng đề tài nào thì ngôn ngữ mà nhà thơ sử dụng vẫn toát lên vẻ giản dị của cái đời thường. Ngôn ngữ ấy mang tới giọng kể tự nhiên, chân thực về những câu chuyện đời thường.

Nếu phân tích chi tiết hơn về ngôn ngữ thơ Ý Nhi, chúng ta sẽ thấy bà sử dụng nhiều đại từ: anh, chị, em, cô, bác, mẹ, con, cháu, ông, họ, ta, người ta, chúng ta... Những ngôn ngữ này đem đến cho thơ Ý Nhi và người đọc một cảm giác tâm tình như đang trò chuyện và giải bày tâm sự.

Vì thơ Ý Nhi là kiểu thơ trữ tình điệu nói, cho nên chúng ta bắt gặp rất nhiều những phụ từ như “*vẫn*”, “*đã*”, “*sẽ*”, “*đang*”, những hư từ và các quan hệ từ như “*và*”, “*nhưng*”, “*có lẽ*”, “*có thể*” được sử dụng với

dụng công nghệ thuật đặc biệt, nhiều khi được lặp lại liên tục thể hiện những trúc trắc, đối nghịch của tâm trạng.

3.2.2. Ngôn ngữ trí tuệ đậm chất triết luận

Cùng với xu hướng chung của thơ ca nói riêng và văn học thời kỳ này nói chung, thơ Ý Nhi cũng mang đặc điểm khái quát, tổng hợp. Càng về sau, Ý Nhi dường như càng dồn nén cảm xúc, sự dồn nén tưởng chừng như đẩy Ý Nhi đến với một thái độ khách quan đến lạnh lùng. Nói như Mã Giang Lân thì “thơ Ý Nhi không phải loại thơ đọc một lần, đọc qua là có thể cảm ngay được cái hồn của câu chữ và cái hay của lao động nghệ thuật...”. Còn Hà Ánh Minh thì cho rằng: “Ý Nhi không những viết bằng ngôn ngữ của cảm xúc, mà chủ yếu viết bằng ngôn ngữ của trí tuệ.”

Dấu mốc mà chúng ta có thể nhìn rõ nhất sự thay đổi trong ngôn ngữ thơ của Ý Nhi là từ tập *Người đàn bà ngồi đan* trở đi. Ý Nhi thể hiện nhiều suy tư trăn trở nhưng không chỉ đơn thuần là ý nghĩ chủ quan của người nghệ sĩ mà là những ý tưởng về nhân sinh quan và về nghệ thuật, được nhà thơ đúc kết từ sự trải nghiệm của chính cuộc đời mình. Đó là những trăn trở về đạo đức, về thời cuộc. Bà luôn đặt ra rất nhiều những câu hỏi khi đứng trước những nghịch lý của cuộc đời. Và theo đó, những từ ngữ đối lập được xếp đặt cạnh nhau như một cách để bà có thể chiêm nghiệm một cách rõ nét hơn. Cuộc sống trở thành bức tranh muôn màu ẩn chứa những nghịch lý. Ngôn ngữ thơ không những thế còn mang ý nghĩa khái quát với những từ ngữ đối nghịch như *đen - trắng, mát - còn, sống- chết, mất mát và rủi ro, niềm vui - nỗi buồn, hạnh phúc- khổ đau...*v.v. Bên cạnh đó, chúng ta thấy xuất hiện trong thơ hệ thống những hình ảnh mang tính biểu tượng như Biển, Cát, Mùa Thu, Sông Trà,... mà “ẩn chứa đằng cái ngôn ngữ mô tả rất hình tượng kia là một thứ ngôn ngữ phân tích luận lý”. Và thành công của Ý Nhi về tăng cường chất nghĩ là những tư tưởng, ngẫm nghĩ, suy tư đã được tâm trạng hóa...”.

Trong những trăn trở về triết lý đạo đức, về cuộc sống, Ý Nhi thường nhắc tới lẽ sống chết. Không dừng lại ở đó, phạm trù cái Đẹp, cái Vinh quang, Lẽ phải, về sự Tự do... cũng được nhà thơ đề cập đến như một đối tượng để chiêm nghiệm. Và đặc biệt hơn cả, trong hành trình đi tìm ý nghĩa cuộc đời, bà thấu hiểu được “sự đắc đạo”. Phải là một người thấu hiểu lắm những lẽ đời, từng trải lắm những vui, buồn, vinh nhục, đắng cay, mất còn thì mới có thể hiểu được cái tầng sâu ẩn lấp khó mà chạm tới của cái gọi là “Đắc đạo” này. Trong ý nghĩa đó, hành trình mỗi con người bước đi trên cuộc đời lại chính là hành trình tìm kiếm chính bản thân mình và nhận ra chính mình.

Ngôn ngữ triết luận còn mở ra cho thơ một không gian và không gian nghệ thuật đa chiều hơn mà cụ thể ở đây là những từ ngữ gắn liền với miền không gian đối lập giữa miền khắc nghiệt và miền bình yên, thời gian thì trải dài và xuyên thấu từ quá khứ đến hiện tại và tương lai.

Ý Nhi còn rất tài tình trong việc sử dụng phép lặp và những cấu trúc trùng điệp, có thể thấy là tần suất này được tận dụng một cách triệt để, khiến người đọc có cảm giác không phải là đang lắng nghe nhà thơ trải lòng mà là đang hòa làm một với những dồn nén trong suy tư của tác giả.

Một đặc điểm đặc trưng trong xu hướng khái quát hóa của thơ ca thời kỳ này chúng ta thấy trong thơ Ý Nhi đó là bà cũng đưa ra những định nghĩa, ngôn ngữ theo đó mang tính chất trí tuệ, triết lý bởi những trường liên tưởng.

Ý Nhi đã khéo léo kết hợp giữa hai kiểu ngôn ngữ giản dị đời thường và ngôn ngữ trí tuệ triết luận trong thơ, đem đến cho người đọc không rơi vào những thái cực của sự đơn điệu hay là quá khô cứng, trừu tượng.

3.3. Các biểu tượng thơ tiêu biểu

Ý Nhi với lối miêu tả hình tượng, nhiều hình ảnh sự vật, con người còn được nhà thơ biểu tượng hóa để trở thành một biểu tượng nào đó thể hiện cho cõi lòng không xác thực hiện hữu trong nhà thơ. Trong đó, có

thể kể đến các biểu tượng tiêu biểu như biểu tượng **Biển** và **Cát**, biểu tượng **Mùa Thu** và biểu tượng **Vườn**.

3.3.1. Biểu tượng Biển và Cát

Biển và *Cát* là hai biểu tượng được Ý Nhi nhắc đến rất nhiều nhất trong thơ. Theo như thống kê qua khảo sát 135 bài trong cuốn tuyển tập *Thơ* thì có tới 59 lần nhắc đến *Biển* chưa kể đến những những từ đồng nghĩa như “trùng khơi” cũng được tác giả nhắc tới ít nhiều, và 47 lần Ý Nhi nhắc đến *Cát*.

Biểu tượng *Biển* cũng rất gần với biểu tượng *Dòng sông* được nhà thơ nhắc đến trong thơ, tượng trưng cho nỗi khao khát yên bình của nhà thơ. Có thể thấy, trong muôn vàn nỗi khát khao thì được đi tới *Biển* là luôn là nỗi khát khao thường trực trong tâm hồn không nguôi yên của nhà thơ. Đến với *Biển* là đến với những giá trị như là vĩnh viễn và hồi sinh của những ước mơ, khát vọng sau nhiều đổ vỡ. Còn *Cát* tượng trưng cho miền “*mênh mông*”, là hình ảnh của quá khứ khó phai mờ về một thời gian khổ, *Cát* cũng là hình ảnh trong nỗi khắc khoải khi tưởng nhớ về đồng đội. Đến với *Cát* là đến với những nhận thức sâu sắc về Tổ quốc, Nhân Dân, đến với những thức tỉnh thiêng liêng về sự bất diệt, kiên cường.

Như vậy, *Biển* và *Cát* trở thành cặp biểu tượng ẩn chứa sức mạnh tinh thần lớn lao mà khi đến được với *Biển* và đặt chân lên trên *Cát*, mỗi chúng ta như được sống với cảm giác thanh lọc. Và bằng biểu tượng này, Ý Nhi đem đến cho thơ trữ lượng triết lý trữ tình giàu có, mới mẻ trong cảm hứng đậm nét sử thi khi viết về Đất nước, Nhân dân.

3.3.2. Biểu tượng Mùa Thu

Mùa Thu trở thành biểu tượng thiên nhiên đẹp một cách gợi cảm trong sự bay bổng của trí tưởng tượng nhưng cũng giàu tính tượng trưng. Trước hết, *Mùa Thu* là sự hiện diện của cái đẹp; cũng là biểu trưng cho thời Quá khứ đã xa vời mà trong đó, tác giả được sống trong thế giới của những ước vọng, khát khao, chờ đợi; và hạnh phúc.

Trong cảm hứng về đất nước, *Mùa Thu* còn là biểu tượng của cuộc đời mới tràn đầy sức sống với hình ảnh “*sông nước, bầu trời, bờ bến mới*”. Và đặc biệt, vượt ra khỏi ý nghĩa tả thực, *Mùa Thu* còn là sự hiện hữu của những gì trong sạch nhất để soi chiếu những giá trị của cuộc đời.

3.3.3. Biểu tượng Vườn

Vườn cũng là biểu tượng thiên nhiên được Ý Nhi nâng tầm ý nghĩa thẩm mỹ đặc biệt trong thơ. Vườn trong thơ Ý Nhi luôn là sự hiện hữu cho sức sống với hoa trái xum xuê. Đó là khu vườn trong ký ức gắn với những kỷ niệm ngọt ngào, biểu trưng cho vẻ bình yên tươi đẹp của thiên nhiên. Hình ảnh “vườn trong phố” cũng tạo ra sự cân bằng của không gian bình yên tĩnh lặng quý giá giữa phố phường chật hẹp.

Có thể nói với Ý Nhi đó là khu vườn tinh thần. Và như trong hành trình đến với *Biển*, đến với *Vườn* cũng là để thỏa nỗi khát bình yên vốn hiện hữu trong tâm nhà thơ. Có thể được nhắc đến ở khía cạnh khác nhau và sức biểu hiện cũng ở những mức độ không giống nhau nhưng mỗi lần nhắc tới *Vườn*, nhà thơ đều gắn với ý niệm của chốn bình yên.

3.4. Giọng điệu thơ

Ý Nhi dần tạo được giọng điệu qua từng mốc thời gian mà rõ rệt nhất là từ tập *Người đàn bà ngồi đan* (1985). Có thể nói đó là một giọng điệu mới lạ trên thi đàn văn học Việt Nam thời bấy giờ. Trần Thụy Nhã trong một bài viết có đánh giá: “Thơ Ý Nhi không làm duyên, không tạo dáng, không lu bu như giọng điệu của nhiều nữ sĩ khác”. Qua khảo sát tuyển thơ Ý Nhi, chúng tôi đi tới khái quát về giọng điệu thơ Ý Nhi với một số đặc điểm nổi bật đó là giọng *suy tư, trầm lắng*, và *điềm tĩnh mà xót xa*.

3.4.1. Giọng suy tư, trầm lắng

Nếu như nữ thi sĩ Xuân Quỳnh để lại cho đời những bài thơ mượt mà với giọng thơ sôi nổi, mãnh liệt thì Ý Nhi lại đem đến một giọng điệu riêng của trầm lắng suy tư. Đọc thơ Ý Nhi, chúng ta hiểu vì sao mà

khó có nhạc sĩ nào có thể phổ nhạc cho những bài thơ của bà, không thể hát cũng chẳng thể ngâm, và thậm chí là “không thể đọc một lần mà hiểu”. Người đọc luôn phải vừa đọc vừa suy ngẫm bởi thơ Ý Nhi tràn đầy chất nghĩ. Nó ẩn chứa trong từng lớp ngôn ngữ hình tượng, trong từng vấn đề mà nhà thơ đặt ra và phản ánh. Cảm hứng thể sự với những vấn đề thời cuộc và đạo đức bản thân nó đã chất chứa nhiều chất nghĩ, nhiều suy tư trăn trở. Từ một vấn đề, nhà thơ để suy nghĩ của mình chạy theo những mạch ngầm suy nghĩ mới, nó bộc lộ quan điểm và nhân sinh quan của nhà thơ qua cái nhìn xuyên thấu của những trường liên tưởng độc đáo. Giọng thơ dường như luôn giữ ở cung bậc trầm lắng như sự sâu lắng của chính tâm hồn người đàn bà đã bước qua những mưa nắng cuộc đời, thấu hiểu nhiều lẽ và đang bình tâm nhìn lại

Bên cạnh đó, chúng ta còn thấy một đặc điểm nữa trong thơ Ý Nhi là sự kìm nén cảm xúc. Thơ là cảm xúc khởi phát tự trái tim vậy mà với Ý Nhi, nhiều bài thơ “duy lý ra mặt”. Với Ý Nhi, những cảm xúc nồng nhiệt dường như luôn đi cùng ý thức tiết chế. Và chính cách nhìn nhận tỉnh táo, rạch ròi giúp nhà thơ dễ dàng khách quan hóa nội tâm để thấu hiểu hơn những nỗi niềm trong cõi lòng “xao xác” của mình. Ngay cả những bài thơ tình mà lẽ ra, người ta sẽ cảm được sự say đắm nồng nàn thì với Ý Nhi dường như những cảm xúc vẫn bị giấu kín, và chỉ nhẹ nhàng trong những kỷ niệm dịu êm.

Và một đặc điểm nữa chúng ta dễ nhận thấy đó sự phù hợp tất yếu của thể thơ tự do không vần cùng cách ngắt nhịp không tuân theo quy tắc nào của Ý Nhi đã góp phần thể hiện thành công hơn những dòng suy tư trăn trở của tác giả. Mỗi dòng thơ là một nhịp, có những câu ngắn chỉ có một đến hai từ nhưng sau đó lại là những dòng thơ dài miên man như sự tuôn chảy không ngừng của ý nghĩ.

3.4.2. Giọng điệu điềm tĩnh mà xót xa.

Như chúng tôi đã từng chia sẻ thì với Ý Nhi, hành trình cuối cùng của nghệ thuật cũng chính là hành trình tước bỏ những vương bận để đạt

tới sự giản dị. Quan niệm này ngày càng chi phối các sáng tác của Ý Nhi một cách rõ nét bởi thơ bà ngày càng nghiêng về cái “phi thơ” và đặc biệt là “bắt đầu đem lại cho người đọc một cảm giác trơ trụi”. Có lẽ bởi chính cái “giản dị” đó đã hòa làm một trong thứ ngôn ngữ đã định hình của thơ bà - ngôn ngữ triết luận duy lý với giọng điệu trầm tĩnh. Ý Nhi từng viết những câu thơ tưởng như không phải bằng cảm xúc bột khởi mà bằng sự trải nghiệm của cuộc đời. Và đặc biệt là giọng điệu chúng ta thấy trong bài *Người đàn bà ngồi đan*, một giọng điệu mà theo Nguyễn Thị Minh Thái nhận xét thì “Đó là một bút pháp có vẻ hơi lạnh, như cái lạnh của mùa đông Hà Nội”. Chu Văn Sơn từng nhận xét giọng điệu điềm tĩnh khách quan “Nó chính là chất giọng cổ hữu của giọt lệ đã ráo khô”.

Ý Nhi vốn là người đa cảm. Chính vì vậy dù thơ Ý Nhi không trữ tình ra mặt, nhưng ẩn sâu bên trong, người đọc vẫn cảm nhận những cảm xúc đang dâng trào trong tâm hồn đầy trăn trở. Nhà thơ viết về Mẹ với nỗi niềm chân thành của người con đã thấu hiểu nỗi cô đơn và sự hi sinh lớn lao để rồi tự trách bản thân với nỗi ân hận chân thành; Ý Nhi từng viết về những gương mặt, những nhân cách bà ngưỡng mộ tri âm nhưng dường như nhìn vào bất cứ chân dung nào cũng đều thấy một phong thái là chỉ có một trạng thái tinh thần: nỗi dày vò ám ảnh bởi đau đớn cùng cực, bởi những khát khao cháy bỏng, sợ hãi khôn nguôi và cả những lo âu. Và có lẽ, dù đã tuyên bố tạm ngừng với thơ nhưng với Ý Nhi, thơ vẫn mãi là “lời nguyện cho nỗi yên hàn”.

KẾT LUẬN

Suốt chặng đường dài gắn bó với văn học nghệ thuật, đặc biệt là trong lĩnh vực thơ ca, Ý Nhi đã để lại trong lòng bạn đọc nhiều thế hệ những tình cảm mến yêu, trân trọng và cảm phục. Xuyên suốt các tập thơ, chúng ta dần nhận ra bóng dáng của “người đàn bà tìm về kết cục” với cái nhìn độ lượng về quá khứ, rạch ròi vào hiện tại, lo âu về tương lai. Và cái tôi ấy đã có lúc thật đơn độc như một người lặng bước một

mình đi tới trùng khơi với cơn khát. Đó là nỗi khát bình yên. Và trong hành trình đi tìm ý nghĩa cuộc đời, Ý Nhi đồng thời đã tìm kiếm cái diện mạo chân thật của bản ngã.

Ý Nhi đã có những trải nghiệm độc đáo trong sáng tạo nghệ thuật. Với nhu cầu giải tỏa tâm trạng, Ý Nhi vận dụng linh hoạt sự đa dạng của các thể thơ đặc biệt là thơ tự do không vần và sự kết hợp của ngôn ngữ giản dị đời thường và ngôn ngữ trí tuệ đậm chất triết luận. Thế giới hình tượng, biểu tượng trong thơ Ý Nhi cũng hết sức đặc biệt gắn liền với thế giới nội tâm khắc khoải đi tìm bình yên tạo nên những không gian nghệ thuật đặc trưng riêng giúp người đọc đi sâu khám phá tâm hồn đơn giản vừa phức tạp, vừa bí ẩn vừa dễ hiểu của nhà thơ. Mỗi bài thơ được cô đọng từ vốn sống đã đến độ chín trong một chất thơ trầm tích. Mặc dù đã tạm nói lời chia tay với thơ để thử nghiệm ở một thể loại mới nhưng với Ý Nhi, thơ mãi là “lời nguyện cho nỗi yên hàn”.